|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT KIM ĐỘNG **TRƯỜNG TH ĐỨC HỢP**  Số: 19/KHGD-THĐH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

*Đức Hợp, ngày 25 tháng 8 năm 2022*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2022 – 2023**

**I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.**

Quyết định số 16/2006/QĐ-BGĐT ngày 5/5/2006 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư 32/TT-BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Chương trình GDPT 2018;

Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 về Hướng dẫn biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018;

Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học trong chương trình GDPT 2018;

Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 về Hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học;

Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 khi triển khai chương trình GDPT 2018;

Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021 về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 1 tháng 9 năm 2021 về việc hướng dẫn kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Quyết định số: 1750/QĐ-UBND ngày 9/8/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Quyết định cấp phép số: 2201/QĐ-SGDĐT ngày 21 /12/2021của Sở GD&ĐT về việc gia hạn cấp phép hoạt động KNS chi nhánh Hưng Yên – Công ty CP giáo dục và Đào tạo POKI Tân Á Châu;

Căn cứ vào tình hình thực tế trường TH Đức Hợp xây dựng kế hoạch hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

**II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2022-2023.**

***1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa địa phương***

*1.1.Thuận lợi:*

Đức Hợp là một xã nằm ở phía Tây của huyện Kim Động cách trung tâm huyện 9km. Xã có 6 đơn vị hành chính được chia làm 6 thôn, có 2 thôn nằm phía trong đê và 4 thôn nằm phía ngoài đê.

Đảng ủy chính quyền địa phương xã Đức Hợp rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục trên địa bàn, cụ thể đối với trường TH Đức Hợp.

Các ban ngành đoàn thể của địa phương quan tâm, phối hợp cùng nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, công tác phổ cập GDTH, công tác huy động, vận động học sinh ra lớp, chăm sóc giáo dục HS trên địa bàn đạt hiệu quả.

Chi hội, BCH hội CMHS nhiệt tình, trách nhiệm, phối kết hợp với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong việc thực hiện giáo dục học sinh; trang bị đầy đủ đồ dùng học tập cho các em và mua sắm thêm một số thiết bị phục vụ học tập cho lớp học thêm khang trang, hiện đại và sạch đẹp.

*1.2. Khó khăn.*

Trình độ dân trí không đồng đều, đa số PHHS làm nông nghiệp chưa quan tâm nhiều đến GD đặc biệt đến chương trình GDPT mới, một bộ phận không nhỏ cả bố và mẹ HS đi làm ăn xa, còn coi việc dạy học là của nhà trường nên ảnh hưởng đến việc giáo dục HS và sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường.

***2. Đặc điểm tình hình nhà trường.***

*2.1. Điểm mạnh của nhà trường.*

- Trường có bề dày thành tích nhiều năm đạt Tập thể lao động Xuất sắc, được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng cờ thi đua, được UBND tỉnh tặng Bằng khen. Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ II, Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

- Các đoàn thể nhà trường hoạt động tích cực, luôn đạt danh hiệu cao, tiêu biểu nhất là hoạt động của Chi bộ Đảng, Công đoàn được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tằng Bằng khen năm 2020; Cơ thi đua của LĐLĐ tỉnh Hưng Yên năm 2021, Liên Đội được nhận Bằng khen của TW đoàn thanh niên CSHCM năm 2020.

- CBQL nhà trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên: có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm hầu hết đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Tập thể nhà trường đoàn kết, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao và có tinh thần tự  học, tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, kĩ năng sư phạm, đáp ứng với yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Các em học sinh chăm ngoan, tích cực học tập và rèn luyện nhất là việc học tập, tham gia các hoạt động giáo dục có nền nếp, đạt hiệu quả cao.

- Cơ sở vật chất nhà trường khang trang, khuôn viên rộng rãi, môi trường giáo dục luôn xanh - sạch - đẹp - an toàn. Có đủ phòng học đảm bảo1lớp/1phòng để thực hiện chế độ dạy học 8- 9 buổi/ tuần. Các lớp đều có tủ đựng đồ dùng riêng, có máy chiếu hoặc ti vi, có quạt, điều hòa, điện thắp sáng, tủ, bảng, bàn ghế đạt chuẩn và đủ đồ dùng dạy học tối thiểu đảm bảo 1bộ/1lớp.

***Cụ thể:***

+ Tỉ lệ học sinh/lớp: 34

+ Tỉ lệ phòng học: 1lớp/1phòng.

+ Cán bộ GV, Nhân viên:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **CBQL** | **Văn Hóa** | **Âm Nhạc** | **Mỹ Thuật** | **Ngoại Ngữ** | **Thể dục** | **Nhân viên** |
| 32  (Nữ 29) | 2  (Nữ 2) | 21  (N 21) | 2  (Nữ 1) | 2  (Nữ 2) | 2  (Nữ 2) | 1  (Nữ 0) | 2  (Nữ 1) |

+ Trình độ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình độ đào tạo** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| - Đại học: | 27 đ/c |  |
| - Cao đẳng: | 4 đ/c |  |
| - Trung cấp | 01 đ/c |  |
| - Chuẩn: | 27đ/c |  |
| - Chưa đạt chuẩn: | 4 đ/c |  |

+ Độ tuổi:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Độ tuổi** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 55 - 59 tuổi: | 0 đ/c |  |
| 50 - 54 tuổi: | 1 đ/c |  |
| 40 - 49 tuổi: | 19 đ/c |  |
| 30 - 39 tuổi: | 7 đ/c |  |
| 20 - 29 tuổi: | 5 đ/c |  |

+ Số lớp, số học sinh:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Khối 1** | **Khối 2** | **Khối 3** | **Khối 4** | **Khối 5** | **Tổng** |
| - Số lớp | 4 | 5 | 5 | 4 | 5 | **23** |
| - Số học sinh | 147 | 156 | 157 | 141 | 175 | **776** |
| - Số học sinh nữ | 61 | 78 | 77 | 62 | 68 | **346** |
| - HS khuyết tật | 4 | 4 | 2 | 0 | 1 | **11** |

+ Cơ sở vật chất:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phòng học** | **VP** | **Hiệu trưởng** | **Phó**  **HT** | **Ngoại ngữ** | **Tin học** | **Mĩ thuật** | **Thư viện** | **Thiết bị** | **Y tế** | **Đoàn**  **Đội** |
| 23 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |

2.2. Điểm yếu.

- Trường còn thiếu 7 giáo viên mới đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/ lớp để dạy học hai buổi trên ngày; trường thiếu loại hình giáo viên tin học. Có 2 giáo viên nghỉ sinh trong năm học.

- Tính chủ động, khả năng sáng tạo của giáo viên còn hạn chế. Một số giáo viên trẻ mới ra trường kinh nghiệm giảng dạy còn ít. Việc đổi mới phương pháp dạy học ở một số giáo viên trẻ hiệu quả còn chưa cao, chất lượng đại trà một số lớp chưa đồng đều.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy ở một số giáo viên tuổi cao còn hạn chế.

- Một số phụ huynh chưa thật quan tâm đến các hoạt động của nhà trường. Còn một số học sinh do cha mẹ đi làm ăn xa ở nhà với ông bà, chưa được quan tâm đến việc học hành nên chất lượng còn chưa đồng đều.

- Trường còn có học sinh khuyết tật học hoà nhập, chậm phát triển trí tuệ, nhận thức kém *(Không hoàn thành chương trình lớp học đến 4 năm liền)*dẫn đến tỉ lệ học sinh lưu ban vẫn còn cao.

- Cơ sở vật chất nhà trường còn thiếu theo yêu cầu hiện nay như *(Thiếu phòng bảo vệ, Âm nhạc một số phòng chức năng khác diện tích còn nhỏ hẹp, hệ thống cửa khu nhà B đã xuống cấp, một số phòng học đã bị bong trần do xây dựng đã trên 20 năm.)*

***3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.***

- Quản trị hoạt động giáo dục; thực hiện quyền tự chủ trong thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường.

- Thực hiện chương trình giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Tổ chức thực hiện dạy học 8 đến 9 buổi/tuần. (Lớp 1,2,3 dạy 9 buổi/tuần; lớp 4,5 dạy 8 buổi/tuần)

- Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Đảm bảo sự dân chủ trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục trong nhà trường.

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM 2022-2023:**

1. **Mục tiêu chung:**

Năm học 2022 - 2023, ngành Giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giáo dục và đào tạo. Ngành Giáo dục xác định chủ đề năm học 2022 - 2023 là ***“Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”***.

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục. Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch; tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy vai trò và tiếng nói của đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường.

2. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 chủ động, linh hoạt để thích ứng với tình hình thiên tai, dịch bệnh, vừa bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng trong nhà trường

Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong nhà trường để tạo sự đoàn kết, thống nhất cao; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp thực sự gương mẫu, là tấm gương cho học sinh, sinh viên noi theo.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, sinh viên; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

4. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Bổ sung biên chế giáo viên cho các địa phương trong năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, trong đó ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên cho các môn học mới trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đặc biệt, bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và môn Tin học để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ lớp 3.

5. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

6. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục.

Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3; Chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong nhà trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học trực tuyến và trong công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Tiếp tục xây dựng kho học liệu số chia sẻ dùng chung trong nhà trường, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử và các học liệu khác ...

**2. Mục tiêu cụ thể.**

- Duy trì sĩ số 100%, không có học sinh bỏ học.

- 100% học sinh được đánh giá về các môn học và hoạt động giáo dục (trong đó có trên 60% học sinh đạt Tốt về môn học và HĐGD).

- 100% học sinh được đánh giá về năng lực và phẩm chất (trong đó trên 65% học sinh xếp loại Tốt về các năng lực và phẩm chất).

- Kết quả KTĐK của các môn học có trên: 50% đạt điểm 9-10.

- Học sinh được khen thưởng các cấp: khoảng 65%.

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: trên 99%

- Học sinh HTCTTH: 100%

**\* Xếp loại mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cụ thể từng khối lớp như sau:**

**\* Phẩm chất**

**+ Lớp 1,2,3:**

* *Xếp loại mức độ hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Lớp 1** | | | | | | **Lớp 2** | | | | | | **Lớp 2** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| - Yêu nước | 95 | 64.6 | 52 | 35.4 | 0 | 0 | 87 | 55,4 | 70 | 44,6 | 0 | 0 | 108 | 69,2 | 48 | 30,8 | 0 | 0 |
| - Nhân ái | 100 | 68 | 47 | 32 | 0 | 0 | 86 | 54,8 | 71 | 45,2 | 0 | 0 | 86 | 55,1 | 70 | 44,9 | 0 | 0 |
| - Chăm chỉ | 90 | 61.2 | 57 | 38.8 | 0 | 0 | 80 | 51 | 77 | 49 | 0 | 0 | 96 | 61,5 | 60 | 38,5 | 0 | 0 |
| - Trung thực | 103 | 76.1 | 44 | 29.9 | 0 | 0 | 82 | 52,2 | 75 | 47,8 | 0 | 0 | 91 | 58,3 | 65 | 41,7 | 0 | 0 |
| - Trách nhiệm | 92 | 62.6 | 55 | 37.4 | 0 | 0 | 85 | 54,1 | 72 | 45,9 | 0 | 0 | 86 | 55,1 | 70 | 44,9 | 0 | 0 |

+ **Lớp 4,5:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Lớp 4** | | | | | | **Lớp 5** | | | | | |
| Tốt | | Đạt | | CCG | | Tốt |  | Đạt | | CCG | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| - Chăm học, chăm làm | 36 | 25.53 | 103 | 73.0 | 2 | 1.4 | 60 | 34.5 | 112 | 64.4 | 2 | 1.1 |
| - Tự tin, trách nhiệm | 36 | 25.53 | 103 | 73.0 | 2 | 1.4 | 60 | 34.5 | 112 | 64.4 | 2 | 1.1 |
| - Trung thực, kỉ luật | 36 | 25.53 | 103 | 73.0 | 2 | 1.4 | 60 | 34.5 | 112 | 64.4 | 2 | 1.1 |
| - Đoàn kết, yêu thương | 36 | 25.53 | 103 | 73.0 | 2 | 1.4 | 60 | 34.5 | 112 | 64.4 | 2 | 1.1 |

**\* Năng lực.**

**- Lớp 1,2,3:**

+ Xếp loại năng lực cốt lõi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Lớp 1** | | | | | | **Lớp 2** | | | | | | **Lớp 3** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Năng lực chung** | - Tự chủ và tự học | 94 | 63,9 | 48 | 32,7 | 5 | 3,4 | 79 | 50,3 | 74 | 47,1 | 4 | 2,6 | 96 | 61,5 | 60 | 38,5 | 0 | 0 |
| - Giao tiếp và Hợp tác | 112 | 76,2 | 31 | 21,1 | 4 | 2,7 | 76 | 48,4 | 78 | 49,7 | 3 | 1,9 | 96 | 61,5 | 60 | 38,5 | 0 | 0 |
| - Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 87 | 59,2 | 56 | 38,1 | 4 | 2,7 | 75 | 47,7 | 78 | 49,7 | 4 | 2,6 | 88 | 56,4 | 68 | 43,6 | 0 | 0 |
| **Năng lực đặc thù** | - Ngôn ngữ | 130 | 88,4 | 16 | 10,9 | 1 | 0,7 | 78 | 49,7 | 79 | 50,3 | 0 |  | 82 | 52,6 | 74 | 47,4 | 0 | 0 |
| - Tính toán | 100 | 68,0 | 42 | 28,6 | 5 | 3,4 | 71 | 45,2 | 78 | 49,7 | 8 | 5,1 | 90 | 57,7 | 66 | 42,3 | 0 | 0 |
| - Khoa học | / | / | / | / | / | / | 81 | 51,6 | 76 | 48,4 | 0 |  | 93 | 59,6 | 63 | 40,4 | 0 | 0 |
| - Công nghệ | / | / | / | / | / | / | / | / | / | / | / | / | 95 | 60,9 | 61 | 39,1 | 0 | 0 |
| - Tin học | / | / | / | / | / | / | / | / | / | / | / | / | 88 | 56,4 | 68 | 43,6 | 0 | 0 |
| - Thẩm mĩ | 98 | 66,7 | 48 | 32,6 | 1 | 0.7 | 78 | 49,7 | 79 | 50,3 | 0 | 0 | 89 | 57,1 | 67 | 42,9 | 0 | 0 |
| - Thể chất | 90 | 61,2 | 55 | 37,4 | 2 | 1,4 | 78 | 49,7 | 79 | 50,3 | 0 | 0 | 96 | 61,5 | 60 | 38,5 | 0 | 0 |

**- Lớp 4,5:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Lớp 4** | | | | | | **Lớp 5** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Tự phục vụ, tự quản | 30 | *21.3* | 103 | *73.0* | 8 | *5.7* | 39 | *22.4* | 126 | *72.4* | 9 | *5.2* |
| Giao tiếp và hợp tác | 30 | *21.3* | 103 | *73.0* | 8 | *5.7* | 39 | *22.4* | 126 | *72.4* | 9 | *5.2* |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 30 | *21.3* | 103 | *73.0* | 8 | *5.7* | 39 | *22.4* | 126 | *72.4* | 9 | *5.2* |

*\* Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học:*

a) HTCT lớp học:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Toàn trường** | | **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | **Khối 4** | | **Khối 5** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| HTCT lớp học | **764** | **98.5** | 143 | 97.3 | 154 | 98.1 | 154 | 98.1 | 139 | 98.6 | 174 | 100 |
| Chưa HTCT lớp học | **12** | **1.9** | 4 | 2.7 | 3 | 1.9 | 3 | 1.9 | 2 | 1.4 | 0 | 0 |

b) Hoàn thành chương trình tiểu học:

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 160/160 HS, đạt tỷ lệ 100%

*\* Khen thưởng:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Toàn trường** | | **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | **Khối 4** | | **Khối 5** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| HS HT Xuất sắc | **229** | **29.5** | 45 | 30.6 | 50 | 31.8 | 50 | 31.8 | 37 | 26.2 | 47 | 27 |
| HS tiêu biểu | **138** | **17.8** | 53 | 36.1 | 45 | 27.8 | 40 | 25.4 | / | / | / | / |
| HS vượt trội | **105** | **13.5** | / | / | / | / | / | / | 35 | 24.8 | 70 | 40.2 |
| **Tổng khen** | **472** | **60.8** | **98** | **66.7** | **95** | **60.5** | **90** | **57.3** | **72** | **51.1** | **117** | **67.2** |

**IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC.**

**1. Khung thời gian năm học (Theo QĐ số 1896/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên).**

- Ngày tựu trường: + Lớp 1 ngày 22/8/2022.

+ Lớp 2,3,4,5 ngày 29/8/2022.

- Ngày khai giảng: 5/9/2022

- Có ít nhất 35 tuần thực học *(học kỳ 1 có ít nhất 18 tuần, học kỳ 2 có ít nhất 17 tuần)*;

- Học kỳ 1 bắt đầu từ 6/9/2022, kết thúc trước ngày 15/1/2023

- Học kỳ 2 bắt đầu từ 16/1/2023 HTCTGD trước ngày 25/5/2023;

- Kết thúc năm học trước 25/5/2022; công nhận HTCT tiểu học trước ngày 31/5/2023.

**2. Thực hiện chương trình giáo dục các môn học và hoạt động GD.**

Căn cứ khung chương trình GD hiện hành; Chương trình GDPT 2018, căn cứ các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các tổ chuyên môn, trường Tiểu học Đức Hợp ban hành kế hoạch dạy học cho các môn học như sau:

**- Khối 1,2:** *Tổ chức dạy học 8 buổi/tuần.*

- Các môn học bắt buộc: 770 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Hoạt động giáo dục bắt buộc: 105 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Môn học tự chọn: Tiếng Anh 70 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Chương trình tăng cường, mở rộng 70 tiết được dạy trong 35 tuần.

**Trong đó:** + Hoạt động củng cố: 0 tiết

+ Giáo dục kĩ năng sống: 70 tiết được dạy trong 35 tuần.

**- Khối 3:** *Tổ chức dạy học 8 buổi/tuần.*

- Các môn học bắt buộc: 875 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Hoạt động giáo dục bắt buộc: 105 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Chương trình tăng cường, mở rộng 105 tiết được dạy trong 35 tuần.

**Trong đó:** + Hoạt động củng cố: 0 tiết

+ Giáo dục kĩ năng sống: 70 tiết được dạy trong 35 tuần.

**- Khối 4,5:** *Tổ chức dạy học 8 buổi/tuần.*

- Các môn học bắt buộc: 875 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Hoạt động giáo dục bắt buộc: 70 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Môn học tự chọn: Tiếng Anh 70 tiết được dạy trong 35 tuần.

- Chương trình tăng cường, mở rộng 70 tiết (giáo dục kĩ năng sống) được dạy trong 35 tuần.

**(Nội dung chi tiết ở phụ lục 1.1)**

**3. Hoạt động tăng cường mở rộng.**

**a/ Dạy tiếng Anh.**

- Triển khai Chương trình môn Tiếng anh tự chọn lớp 1,2 đảm bảo các yêu cầu được quy định Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Tiếp tục thực hiện và có giải pháp linh hoạt, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học, việc dạy học Tiếng anh bổ trợ thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1616/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 8/9/2020.

- Dạy học tiếng Anh bổ trợ với học sinh lớp 4, 5 với thời lượng 02 tiết/tuần.

- Thực hiện quy trình dạy theo đúng các công văn hướng dẫn của cấp tỉnh, cấp huyện.

- BGH và tổ chuyên môn có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kế hoạch dạy học các chủ đề tự chọn của giáo viên thông qua giáo án hàng tuần. Chế độ kiểm tra được thực hiện như các môn học khác.

**b/ Tiết đọc thư viện thân thiện.**

- Nhà trường triển khai dạy tiết đọc thư viện thân thiện 1 tiết/tuần từ lớp 1 đến lớp 5.

- Lớp 1,2,3,4,5 dạy lồng ghép tiết đọc thư viện trong tiết HĐTN lớp 1,2,3; Lớp 4,5 trong tiết SHL.

- Chương trình tiết đọc thực hiện theo quy định của tổ chức Room. .

- Quy trình tiết dạy tiết đọc thư viên đúng theo quy định của tooe chức Room.

**c/ Bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức KN.**

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng đại trà học sinh các lớp. GV tự xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh. Hàng tháng, tăng cường kiểm tra chất lượng học sinh phát hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; giao cho giáo viên chủ nhiệm bồi dưỡng tại lớp chủ nhiệm ngay từ tháng 9 đối với môn Toán và Tiếng Việt. Giáo viên Tiếng Anh bồi dưỡng học sinh Tiếng anh lớp 3,4,5, giáo viên Tin học bồi dưỡng học sinh thi Tin học trẻ… Phát động học sinh tham gia các cuộc thi trên mạng như Trạng nguyên Tiếng Việt, Ôlimpic toán học, Sân chơi toán học vioedu, Giao thông thông minh... trên tinh thần tự nguyện.

- Thông qua kiểm tra chất lượng hàng tháng và thông qua từng tiết học, giáo viên lập danh sách những học sinh học tập còn hạn chế, tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp hỗ trợ kịp thời để học sinh đạt chuẩn kiến thức kĩ năng. Tuyệt đối không để học ngồi nhầm lớp và không để học sinh nào bị bỏ lại phía sau.

**d. Tham gia các cuộc thi.**

- Tham gia đầy đủ, có chất lượng các cuộc thi do cấp trên tổ chức.

- Tham gia các cuộc giao lưu như Trạng nhí Tiếng anh; Ôlympic các môn học, sân chơi toán học,...

- Thi giai điệu tuổi hồng, kể chuyện Bác Hồ, Đại sứ văn hóa đọc, Chiếc ô tô mơ ước, ...

- Tham gia giải bóng đá bóng đá mini cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh.

**e. Hoạt động câu lạc bộ.**

- Nhà trường tổ chức thành lập câu lạc bộ Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, bóng đã, đã cầu, cờ vua, văn nghệ...

Câu lạc bộ là hình thức sinh hoạt ngoại khóa của những nhóm học sinh cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu,… nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các học sinh với nhau và giữa học sinh với thầy cô giáo. Hoạt động của CLB tạo cơ hội để học sinh được chia sẻ những kiến thức, hiểu biết của mình về các lĩnh vực mà các em quan tâm, qua đó phát triển các kĩ năng của học sinh như: kĩ năng giao tiếp, kĩ năng lắng nghe và biểu đạt ý kiến, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kĩ năng viết bài, kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm, kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề,…

CLB là nơi để học sinh được thực hành các quyền trẻ em của mình như quyền được học tập, quyền được vui chơi giải trí và tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; quyền được tự do biểu đạt; tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin,…

Thông qua hoạt động của các CLB, giáo viên hiểu và quan tâm hơn đến nhu cầu, nguyện vọng mục đích chính đáng của các em.

**(Nội dung chi tiết ở phụ lục 1.2)**

**4. Tổ chức hoạt động giáo dục sau giờ học chính thức, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.**

- Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thúc đẩy giáo dục Kỹ năng sống cho học sinh các cấp theo tinh thần Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/2/2014;

- Căn cứ vào quyết định cấp phép số: 2201/QĐ-SGDĐT ngày 21/12/2021của Sở GD&ĐT về việc gia hạn cấp phép hoạt động KNS chi nhánh Hưng Yên – Công ty CP giáo dục và Đào tạo POKI Tân Á Châu;

Thực hiện chương trình dạy đúng theo các văn bản hướng dẫn của phòng GD&ĐT huyện Kim Động và Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học kỹ năng sống đủ nội dung theo chương trình quy định, hình thức tổ chức, phân công giáo viên giảng dạy với mục tiêu trang bị tri thức và kỹ năng cần thiết giúp trẻ hình thành năng lực, trở thành công dân đủ tự tin, trách nhiệm, tự lập, chủ động, thành công và hạnh phúc trong thế kỷ 21.

- BGH và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát việc thực hiện chương trình, nội dung kế hoạch dạy học, dự giờ đánh giá tiết dạy đảm bảo thường xuyên, đúng quy định.

**(Nội dung chi tiết ở phụ lục 1.3)**

**V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.**

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3. Tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học để triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 4.

Đối với lớp 4,5 thực hiện dạy học theo hướng tinh giản, nghiên cứu điều chỉnh nội dung chương trình để tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp các thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục, đảm bảo các điều kiện và triển khai dạy học Ngoại ngữ, Tin học cho HS chuẩn bị cho việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Đối với việc kiểm tra đánh giá trong nhà trường theo hướng thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức. Đối với lớp 1,2,3 đánh giá hS theo TT27/2020. Lớp 4,5 tiếp tục đánh giá theo TT22/2016 của BGD.

Tiếp tục nâng cao GD toàn diện, trú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kỹ năng thực hành vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo tự học của HS.

Đổi mới việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học theo công văn 1380 của Sở GD&ĐT Hưng Yên. Việc SHCM đảm bảo mỗi tuần 1 lần, chỉ đạo việc sinh hoạt chuyên môn có hiệu quả và nề nếp.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường theo hướng phát triển năng lực, khuyến khích giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, đa dạng các hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và tự học của CBGV nhà trường.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV bằng cách BGH nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các chuyên đề cho các tổ chuyên môn ngay từ đầu tháng 8/2022. Yêu cầu 100% giáo viên tự nghiên cứu tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông 2018; Tham dự tập huấn sách giáo khoa lớp 3 cấp cụm đầy đủ, ...

Thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học đánh giá học sinh một cách linh hoạt, khuyến khích giáo viên khai thác và sử dụng các trang web, Master testonline (quản lý ra đề thi); Master LanTest (thiết lập và tổ chức thi trên máy tính, ...).

Nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày, Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, nâng cao vai trò trách nhiệm, lương tâm đạo đức nhà giáo, không để xảy ra bạo lực học đường và bệnh thành tích trong giáo dục.

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập GD. Huy động số trẻ trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt tỷ lệ100% không có học sinh bỏ học. Vận động trẻ khuyết tật học hòa nhập đạt tỷ lệ 100%.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

**1. Công tác chỉ đạo.**

*1.1. Đối với Hiệu trưởng*

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc. Triển khai kế hoạch giáo dục tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân, các bộ phận phụ trách.

Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, ký hợp đồng liên kết với các công ty trong việc giảng dạy Tiếng Anh, Kĩ năng sống.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.

Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

Hiệu trưởng thành lập các ban chỉ đạo khi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định.

Sau mỗi học kì, nhà trường tổ chức họp rút kinh nghiệm, điều chỉnh bổ sung kế hoạch.

Thực hiện công khai tất cả các hoạt động của nhà trường trong quá trình tổ chức thực hiện để nhận được sự phối hợp tốt từ cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

*1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng.*

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ nhóm chuyên môn.

Duyệt tất các kế hoạch của các tổ chuyên môn, kế hoạch các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, các tổ chuyên môn trong năm học.

Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục và các hoạt động giáo dục của các tổ chuyên môn.

*1.3. Đối với tổ trưởng chuyên môn.*

Chỉ đạo tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Phân công giao nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ, nghiên cứu xây dựng kế hoạch thực hiện các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp, linh hoạt với thực tế và khối lớp đang giảng dạy.

Triển khai đầy đủ chính xác kế hoạch dạy học của khối lớp mình phụ trách theo đúng kế hoạch nhà trường đã phê duyệt.

Cùng BGH nhà trường kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục và các hoạt động giáo dục của GV trong tổ chuyên môn.

Thực hiện đảm bảo nghiêm túc việc sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo đúng quy định.

*1.4. Đối với giáo viên.*

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Thực hiện nghiêm túc mội quy chế chuyên môn.

Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

Tích cực tự trau rồi chuyên môn, nghiệp vụ.

Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tích cực tham gia vào các hoạt động đoàn thể nếu được phân công.

*1.3. Đối với Tổng phụ trách Đội.*

Kết hợp với Phó Hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tại nhà trường.

Chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm, SH dưới cờ, tổ chức các ngày SHTT cho HS toàn trường.

Thành lập các Ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

**2. Công tác kiểm tra, giám sát.**

Phân công Phó Hiệu trưởng kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, nội dung và phương pháp giảng dạy của giáo viên thông qua dự giờ hội giảng, chuyên đề…; kiểm tra sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn thông qua tham dự các buổi sinh hoạt tổ.

Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

**3. Chế độ thông tin, báo cáo.**

Giáo viên chịu trách nhiệm báo cáo trung thực kết quả giáo dục của lớp mình phụ trách. Cập nhật kết quả giáo dục kịp thời trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành.

Phó Hiệu trưởng thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Hiệu trưởng và yêu cầu của Phòng GD&ĐT.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2022 - 2023 của trường Tiểu học Đức Hợp đề nghị các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên giảng dạy trong nhà trường theo dõi và lập kế hoạch thực hiện cụ thể theo chức trách và nhiệm vụ được phân công.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo về BGH để có sự hướng dẫn, điều chỉnh./.

Kế hoạch này được phổ biến đến toàn thể giáo viên toàn trường./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT Kim Động ( để b/c);  - Các tổ chuyên môn ( để th/h);  - Lưu: VT. | **HIỆU TRỬỞNG**  **Nguyễn Thị Bích Loan** |

**PHỤC LỤC 1.1: CÁC HOẠT GIÁO DỤC ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Môn học | Số tiết học các môn học và hoạt động giáo dục | | | | | | | | | | | | | | | |
| Lớp 1 | | | | Lớp 2 | | | Lớp 3 | | | Lớp 4 | | | Lớp 5 | | |
| HK1 | | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN |
| **I** | **Môn học bắt buộc.** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 216 | | 204 | 420 | 180 | 170 | 350 | 126 | 119 | 245 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 |
| 2 | Toán | 54 | | 51 | 105 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 |
| 3 | Ngoại ngữ | / | | / | / | / | / | / | 72 | 68 | 140 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 4 | Đạo đức | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 5 | TNXH | 36 | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | / | / | / | / | / | / |
| 6 | LS&ĐL | / | | / | / | / | / | / | / | / | / | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 7 | Khoa học | / | | / | / | / | / | / | / | / | / | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 8 | GD thể chất | 36 | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 9 | Âm nhạc | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 10 | Mĩ thuật | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 11 | Công nghệ (KT) | / | | / | / | / | / | / | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 12 | Tin học | / | | / | / | / | / | / | 18 | 17 | 35 | / | / | / | / | / | / |
| **II** | **Hoạt động giáo dục bắt buộc.** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | HĐTN (CC, SHL) | | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| **III** | **Môn học tự chọn.** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Tiếng anh | | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | / | / | / | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| **IV. Chương trình tăng cường/mở rộng.** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | GD KNS | | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| **Tổng số tiết** | | | **522** | **493** | **1015** | **522** | **493** | **1015** | **540** | **510** | **1050** | **558** | **527** | **1085** | **558** | **527** | **1085** |
| **Số tiết/tuần**  **( Cả năm học)** | | | **29 tiết/tuần**  **1015 tiết/35 tuần** | | | **29 tiết/tuần**  **1015 tiết/35 tuần** | | | **30 tiết/tuần**  **1050 tiết/35 tuần** | | | **31 tiết/tuần**  **1085 tiết/35 tuần** | | | **31 tiết/tuần**  **1085 tiết/35 tuần** | | |
| **Số buổi dạy/tuần** | | | **8 buổi/tuần** | | | **8 buổi/tuần** | | | **8 buổi/tuần** | | | **8 buổi/tuần** | | | **8 buổi/tuần** | | |

**PHỤC LỤC 1.2: CÁC HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **TG thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| **THÁNG 9** | **Vui đến trường** | - Khai giảng năm học mới | Toàn trường | 5/9/2022  Sáng thứ 2 | BGH, TPT | GVCN, Các đoàn thể trong trường |
| **THÁNG 11** | **Nhớ ơn**  **thầy cô giáo** | - Liên hoan văn nghệ chào mừng 20/11 | Toàn trường | 19/11/2022  Sáng thứ 7 | BGH, TPT | BGH+ GVCN +GV toàn trường |
| **THÁNG 12** | **Tiếp bước truyền thống quê hương** | - Viếng nghĩa trang liệt sỹ  - Nghe nói chuyện truyền thống Quân đội nhân dân VN.  - Thi trò chơi dân gian. | Toàn trường | 22/12/2022  Sáng thứ 5 | Chủ tịch cựu chiến binh của xã; TPT | BGH +  ĐoànTN, GVCN.  GV toàn trường |
| **THÁNG 2** | **Chào xuân yêu thương** | Tổ chức cho học sinh trải nghiệm  “Ngày hội bánh chưng xanh” | Toàn trường | 18/2/2023  Sáng thứ 7 | BGH TPT | - BGH+ GVCN + GV toàn trường  - Phụ huynh học sinh |
| **THÁNG 3** | **Thiếu nhi vui khỏe tiến bước lên đoàn** | Ngày hội thể dục thể thao | Toàn trường | 25/3/2023  Sáng thứ 7 | TPT, BT Đoàn | BGH+  GVCN, GV, NV toàn trường |
| **THÁNG 4** | **Bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp** | - Tổ chức “Ngày hội đọc sách” | Toàn trường | 14/4/2023  Chiều thứ 6 | TPT.  Nhân viên TV | BGH+  GVCN, GV toàn trường |
| **THÁNG 5** | **Noi gương người tốt, việc tốt** | Thi rung chuông vàng các môn học | HS lớp 3,4,5 | 13/5/2023  Sáng thứ 7 | TPT.  đ/c TV | BGH +  GVCN, GV toàn trường |

**PHỤC LỤC 1.3: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO HS SAU GIỜ HỌC CHÍNH KHÓA**

**TRONG NGÀY THEO NHU CẦU NGƯỜI HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Hoạt động** | **Đối tượng/quy mô** | **Thời gian** | **Địa điểm** |
| 1 | Rèn kỹ năng sống | Kỹ nằng sống | HS/theo lớp | Sau buổi học | Tại lớp học |
| 2 | Đọc sách | Văn hóa đọc | Nhóm HS | Sau buổi học | Thư viện trường |
| 3 | Vui chơi tự do trong khuôn viên nhà trường (Rèn luyện thể lực) | Võ, đá bóng, cầu lông, bóng rổ, nhảy dây, ... | HS/ theo nhóm, đội, lớp | Sau buổi học | Tại trường |

**PHỤC LỤC 1.4:**

**THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THEO TUẦN/ THÁNG**

**TRONG NĂM HỌC VÀ SỐ LƯỢNG TIẾT HỌC CÁC MÔN HỌC, CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỰC HIỆN THEO TUẦN**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tuần** | **Ngày tháng** | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |